

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN -
SÔNG HÌNH**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

FR.

FR.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Võ Thành Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên
Ông Phan Hồng Quân	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty đã được Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Thanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 20 tháng 8 năm 2013

Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

2500
G T
H H
HT
NA
TP.

Số: 278 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

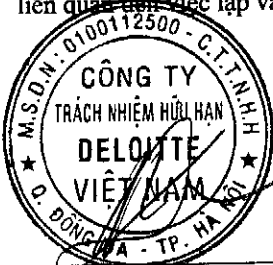
**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 26. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoại trừ vấn đề được trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho giai đoạn từ tháng 01 năm 2010 đến tháng 6 năm 2013. Doanh thu giai đoạn này được ghi nhận trên cơ sở tạm tính và sẽ được điều chỉnh lại khi có đơn giá thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 20 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1130-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B 01-DN	
			30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.287.753.163.781	1.465.196.581.337
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	625.842.702.056	639.705.515.200
1. Tiền	111		24.792.702.056	13.088.515.200
2. Các khoản tương đương tiền	112		601.050.000.000	626.617.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	20.000.000.000	181.118.326.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20.000.000.000	181.118.326.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		588.598.644.280	598.518.199.045
1. Phải thu khách hàng	131		148.617.831.610	143.299.041.484
2. Trả trước cho người bán	132	7	433.538.295.921	431.720.413.857
3. Các khoản phải thu khác	135		6.442.516.749	23.498.743.704
IV. Hàng tồn kho	140	8	32.657.959.293	29.505.333.647
1. Hàng tồn kho	141		40.623.648.803	37.471.023.157
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.653.858.152	16.349.207.445
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	41.320.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.995.360.917	15.956.389.711
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		658.497.235	351.497.734
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		2.161.834.733.439	1.915.660.735.532
I. Tài sản cố định	220		2.145.030.353.870	1.898.856.355.963
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	945.357.420.073	982.469.629.484
- Nguyên giá	222		2.954.216.373.039	2.955.141.550.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.008.858.952.966)	(1.972.671.921.133)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.199.672.933.797	916.386.726.479
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14.812.957.192	14.812.957.192
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	5.000.000.000	5.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	9.812.957.192	9.812.957.192
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.991.422.377	1.991.422.377
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.991.422.377	1.991.422.377
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.449.587.897.220	3.380.857.316.869

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		923.296.044.405	932.233.677.331
I. Nợ ngắn hạn	310		727.368.021.168	720.357.142.474
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	648.150.600.197	591.015.250.928
2. Phải trả người bán	312		7.279.056.588	12.281.253.102
3. Người mua trả tiền trước	313		1.055.829.000	1.055.829.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	58.870.281.075	67.124.254.795
5. Phải trả người lao động	315		4.874.177.830	5.395.728.189
6. Chi phí phải trả	316		4.220.747.937	3.516.009.993
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	246.876.428	38.276.794.378
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.670.452.113	1.692.022.089
II. Nợ dài hạn	330		195.928.023.237	211.876.534.857
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	195.928.023.237	211.876.534.857
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		2.526.291.852.815	2.448.623.639.538
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.525.231.216.174	2.447.376.388.082
1. Vốn điều lệ	411	17	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	17	(47.117.531.962)	(47.117.531.962)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(9.010.935.300)	(7.338.762.414)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	21.500.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.880.000.000	26.880.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	470.567.223.436	391.040.222.458
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.060.636.641	1.247.251.456
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.060.636.641	1.247.251.456
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		3.449.587.897.220	3.380.857.316.869



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2013

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	104.678.131.795	193.886.355.955
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	62.405.700.401	82.646.854.386
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		42.272.431.394	111.239.501.569
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	70.463.810.344	43.256.525.718
5. Chi phí tài chính	22	21	4.497.168.022	(7.088.303.472)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.457.468.430	2.513.960.528
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.590.728.807	6.483.046.326
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		100.648.344.909	155.101.284.433
8. Thu nhập khác	31		77.272.727	84.837.803
9. Chi phí khác	32		-	50.890.400
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		77.272.727	33.947.403
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		100.725.617.636	155.135.231.836
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	17.762.745.408	13.911.276.747
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		82.962.872.228	141.223.955.089



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2013

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>100.725.617.636</i>	<i>155.135.231.836</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		<i>(28.657.383.996)</i>	<i>(2.079.019.077)</i>
- Khấu hao tài sản cố định	02	37.510.179.401	48.265.810.113
- Các khoản dự phòng	03	-	(9.602.264.000)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.888.778.517	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(70.513.810.344)	(43.256.525.718)
- Chi phí lãi vay	06	2.457.468.430	2.513.960.528
<i>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>72.068.233.640</i>	<i>153.056.212.759</i>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(12.077.593.222)	17.396.604.983
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(3.152.625.646)	(2.008.764.564)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	4.237.593.551	(6.654.567.065)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	132.356.031	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.478.008.548)	(6.150.660.551)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(30.886.574.558)	(2.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	21.414.774	43.620.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.716.394.978)	(3.069.536.372)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>26.148.401.044</i>	<i>150.612.909.190</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(286.172.692.070)	(244.346.250.326)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	50.000.000	-
3. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	130.433.000.000	252.500.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	75.460.529.500	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi ủy thác, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40.485.491.136	29.872.043.664
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(39.743.671.434)</i>	<i>38.025.793.338</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	584.704.293.639	312.672.159.910
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(547.078.407.393)	(553.519.390.829)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(37.893.429.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(267.542.754)</i>	<i>(240.847.230.919)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>	<i>(13.862.813.144)</i>	<i>(52.208.528.391)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	639.705.515.200	476.889.834.445
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	625.842.702.056	424.681.306.054

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ bao gồm 5.001.935.084 VND là số tiền mua sắm xây dựng tài sản cố định năm trước được thanh toán trong kỳ này, và không bao gồm 2.854.292.988 VND là số tiền ứng trước cho các nhà thầu trong năm trước liên quan đến giá trị công trình được nghiệm thu trong kỳ này. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2013

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 02 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình.

Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005 và các Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 158 người (31/12/2012: 158 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng (vận hành hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và nhà máy thủy điện Sông Hình). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
BAN GIÁM ĐỐC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
Tài sản	(Số năm sử dụng)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty con phản ánh khoản đầu tư vào Công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện (Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

DUY
TRAI
G
V
ANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện hoạt động xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản được phản ánh trên bảng cân đối kế toán, thuộc mục Vốn chủ sở hữu. Hoạt động xây dựng cơ bản chủ yếu trong kỳ của Công ty là hoạt động xây dựng nhà máy thủy điện mới Thượng Kon Tum. Theo kế hoạch của Công ty đã cam kết với địa phương là sau khi Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum bắt đầu phát điện thì Công ty thành lập một công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Kon Tum) để tiếp nhận vận hành và kinh doanh. Số dư khoản mục chênh lệch tỷ giá trên bảng cân đối kế toán sẽ được chuyển cho công ty con này khi nhà máy thủy điện này hoàn thành và bắt đầu hoạt động. Các chênh lệch tỷ giá khác ngoài chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản đã đề cập ở trên được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	335.256.032	363.279.776
Tiền gửi ngân hàng	24.457.446.024	12.725.235.424
Các khoản tương đương tiền (i)	601.050.000.000	626.617.000.000
	<u>625.842.702.056</u>	<u>639.705.515.200</u>

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 16, các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 487,05 tỷ VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	-	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	20.000.000.000	150.433.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng (ii)	20.000.000.000	50.433.000.000
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (iii)	-	100.000.000.000
	<u>20.000.000.000</u>	<u>181.118.326.000</u>

- (i) Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. Toàn bộ số cổ phiếu mà Công ty sở hữu đã được thanh lý trong 6 tháng đầu năm 2013.
- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 16, hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 20 tỷ VND đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay.
- (iii) Khoản cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay theo các hợp đồng với số tiền cho vay là 100 tỷ VND, đáo hạn vào ngày 25 tháng 8 năm 2011. Toàn bộ khoản vay đã được tất toán vào tháng 01 năm 2013.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Khoản trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 chủ yếu bao gồm khoản tạm ứng với số tiền là 262.202.244.614 VND cho tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G để thực hiện thiết kế và thi công tuyến năng lượng giai đoạn 2 Dự án Thượng Kon Tum và các khoản tạm ứng cho các nhà thầu thi công các hạng mục khác thuộc Dự án Thượng Kon Tum.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.750.643.573	37.095.930.654
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	873.005.230	375.092.503
	<u>40.623.648.803</u>	<u>37.471.023.157</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>32.657.959.293</u>	<u>29.505.333.647</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hình. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hình). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa trên các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	2.055.168.392	865.922.229	26.460.848	7.590.081	2.955.141.550
Tăng trong năm	-	-	-	738.843	738.843
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(400.000)	-	(400.000)
Phân loại lại	(63.521)	(320.403)	(97.356)	(782.740)	(1.264.020)
Tại ngày 30/6/2013	2.055.104.871	865.601.826	25.963.492	7.546.184	2.954.216.373
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	1.115.601.090	833.519.759	21.483.676	2.067.396	1.972.671.921
Khấu hao trong kỳ	34.195.451	2.748.367	445.207	121.154	37.510.179
Tăng khác	-	-	203.448	46.389	249.837
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(400.000)	-	(400.000)
Phân loại lại	(63.521)	(274.206)	(96.939)	(738.318)	(1.172.984)
Tại ngày 30/6/2013	1.149.733.020	835.993.920	21.635.392	1.496.621	2.008.858.953
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	905.371.851	29.607.906	4.328.100	6.049.563	945.357.420
Tại ngày 31/12/2012	939.567.302	32.402.470	4.977.172	5.522.685	982.469.629

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006, Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 339.128.312.016 VND (31 tháng 12 năm 2012: 351.011.781.600 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị là 859.704.705.633 VND (31 tháng 12 năm 2012 là 860.757.681.755 VND).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	8.196.815.250	8.196.815.250
Chi phí sửa chữa lớn	725.278.064	-
Chi phí XD CB dở dang	1.190.750.840.483	908.189.911.229
Trong đó:		
<i>Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)</i>	1.097.470.198.283	819.469.844.497
<i>Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (ii)</i>	90.010.442.742	86.155.898.037
Khác	3.270.199.458	2.564.168.695
	1.199.672.933.797	916.386.726.479

Trong kỳ, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 27.084.220.865 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG (Tiếp theo)

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kông Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kông Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.
- (ii) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 07 tháng 11 năm 2007.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH.

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	100%	100%	Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty CP Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch, khách sạn...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bình Định	14.057.913.879	5.612.783.429
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Định	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Quy Nhơn	201.779.031.079	230.732.272.872
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Quy Nhơn	67.688.564.350	66.413.226.350
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định	126.326.315.557	69.689.758.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Quy Nhơn	125.706.466.113	109.382.822.227
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Bình Định	9.800.000.000	8.665.192.300
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hiệp Phú	19.774.855.433	19.551.244.650
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bình Định	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Quy Nhơn	7.712.829.448	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Phú Tài	9.431.094.171	-
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Phú Yên	25.012.065.687	24.764.751.100
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Quy Nhơn	20.861.464.480	21.203.200.000
	<u>648.150.600.197</u>	<u>591.015.250.928</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, được dùng để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Các khoản vay chịu lãi suất từ 3,6%/năm đến 5%/năm (đối với khoản vay bằng USD) và chịu lãi suất từ 8,5%/năm đến 11,5%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Công ty đã sử dụng các hợp đồng tiền gửi trị giá 467,05 tỷ VND để đảm bảo cho các khoản vay này.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.689.797.722	29.813.626.872
Thuế tài nguyên	1.047.676.895	632.400.728
Phí bảo vệ môi trường	40.974.836.580	35.015.880.480
Các loại thuế khác	157.969.878	1.662.346.715
	<u>58.870.281.075</u>	<u>67.124.254.795</u>

Trong năm 2012, Cục thuế Bình Định đã thực hiện kiểm tra hồ sơ kê khai thuế GTGT và thuế TNDN của Công ty cho giai đoạn 2007-2011. Tại thời điểm lập báo cáo này, Cục thuế Bình Định chưa có kết luận kiểm tra.

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	139.925.500	38.033.354.500
Phải trả khác	106.950.928	243.439.878
	<u>246.876.428</u>	<u>38.276.794.378</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Phú Yên (i)	166.008.823.237	176.749.734.857
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Quy Nhơn (ii)	10.419.200.000	15.626.800.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (iii)	19.500.000.000	19.500.000.000
	<u>195.928.023.237</u>	<u>211.876.534.857</u>

- (i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình, bao gồm các khoản:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ mỗi kỳ là 83.783,01 USD; và 167.566,02 USD/kỳ trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 3%/năm.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng mức chênh lệch lãi suất (margin), mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 339.128.312.016 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

- (ii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") - chi nhánh Quy Nhơn bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 0018/HĐTĐ2-VIB412.10 ngày 08 tháng 6 năm 2010, thời hạn vay 60 tháng, hạn mức tín dụng là 52.096.000.000 VND, lãi suất vay: điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + lãi suất biên tối thiểu là 1,8% năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB theo từng thời kỳ. Khoản vay được tín chấp.
- Hợp đồng tín dụng số 0022/HĐTĐ2-VIB412.10 ngày 27 tháng 9 năm 2010, hạn mức tín dụng là 40 tỷ VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh của VIB cộng (+) biên độ tối thiểu 1,8%/năm. Khoản vay được hoàn trả 6 tháng/lần, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 06 tháng 3 năm 2011. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài khoản của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số BDL.DN.02231210 ngày 26 tháng 12 năm 2010 ký với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định, hạn mức tiền vay 262 tỷ VND. Thời hạn cho vay 120 tháng, ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, được cố định cho từng tháng. Lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng nhận lãi sau của ngân hàng cho vay cộng phí biên 3,1%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 20 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	45.873.530.166	45.967.951.100
Trong năm thứ hai	41.093.725.087	39.083.951.101
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	32.849.512.780	48.487.329.030
Sau năm năm	121.984.785.370	124.305.254.726
	<u>241.801.553.403</u>	<u>257.844.485.957</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	45.873.530.166	45.967.951.100
Số phải trả sau 12 tháng	<u>195.928.023.237</u>	<u>211.876.534.857</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	2.062.412.460.000	(47.117.531.962)	284.992.530.271
Lợi nhuận trong năm	-	-	233.791.995.287
Cổ tức đã chia	-	-	(121.344.747.600)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.742.055.500)
Chi khác	-	-	(657.500.000)
Số dư tại ngày 01/01/2013	<u>2.062.412.460.000</u>	<u>(47.117.531.962)</u>	<u>391.040.222.458</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	82.962.872.228
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(2.648.371.250)
Khác	-	-	(787.500.000)
Số dư tại ngày 30/6/2013	<u>2.062.412.460.000</u>	<u>(47.117.531.962)</u>	<u>470.567.223.436</u>

(i) Là số tiền tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2013 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 78/2013/NQ-VSH-HDQT ngày 22 tháng 01 năm 2013.

Các khoản tạm trích lập quỹ và chi từ lợi nhuận sau thuế sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.

Cơ cấu vốn góp

	30/6/2013		31/12/2012	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	30,55	630.169.054.175	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
VIAC (No.1) Limited Partnership	6,95	143.360.800.000	9,62	198.474.800.000
Cổ đông khác	38,50	793.903.644.225	35,83	738.789.644.225
	<u>100,00</u>	<u>2.062.412.460.000</u>	<u>100,00</u>	<u>2.062.412.460.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	202.241.246	202.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2013</u> <u>đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012</u> <u>đến 30/6/2012</u>
	VND	VND
Doanh thu bán điện (*)	104.601.131.795	192.943.541.410
Doanh thu dịch vụ khác	77.000.000	942.814.545
	<u>104.678.131.795</u>	<u>193.886.355.955</u>

(*) Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho giai đoạn hoạt động từ tháng 01 năm 2010 đến tháng 6 năm 2013. Doanh thu năm 2010 và 11 tháng đầu năm 2011 được Công ty ghi nhận trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá bán điện của năm 2009. Doanh thu tháng 12 năm 2011 được Công ty ghi nhận trên cơ sở đơn giá tương ứng bằng 76% đơn giá bán điện của năm 2009. Doanh thu năm 2012 và doanh thu 6 tháng đầu năm 2013 đang được đơn vị ghi nhận với đơn giá bình quân tương ứng là 382 VND/kwh và 351 VND/kwh.

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ 01/01/2013</u> <u>đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012</u> <u>đến 30/6/2012</u>
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	62.405.700.401	82.646.854.386
Giá vốn hoạt động khác	-	-
	<u>62.405.700.401</u>	<u>82.646.854.386</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.305.921.881	1.457.729.839
Chi phí nhân công	11.335.332.999	9.231.100.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.510.179.401	48.265.810.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.725.162.769	1.115.453.649
Chi phí khác	18.617.744.885	29.152.246.828
	70.494.341.935	89.222.341.122

21. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng và ủy thác	24.718.673.428	42.125.120.111
Cổ tức được chia	969.933.416	1.131.405.607
Thu lãi từ bán cổ phiếu	44.775.203.500	-
	70.463.810.344	43.256.525.718
Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	2.457.468.430	2.513.960.528
Chi phí bán cổ phiếu	150.921.075	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.888.778.517	-
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	-	(9.602.264.000)
	4.497.168.022	(7.088.303.472)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	65.966.642.322	50.344.829.190

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty đang tạm trích lập nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013 là 17.762.745.408 VND. Nghĩa vụ thuế này sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho cả năm 2013.

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, phần khối lượng công việc đã thực hiện là 153,4 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 885/2010/HD-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công tuyến năng lượng giai đoạn 2 Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum và Hợp đồng số 886/2010/HD-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công hầm dẫn nước (từ Km0+270 đến Km3+000) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị là 1.324.037.315.815 VND và 25.000.000 USD. Công ty tiếp tục ký với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G Phụ lục hợp đồng số 930/2011/BSHD-VSH-HHCR-18G của Hợp đồng số 886/2010/HD-VSH-TH ngày 12 tháng 10 năm 2011 về việc thi công đợt 2 gia cố trong và ngoài hầm dẫn nước (từ Km0+000 đến Km0+270); Phụ lục hợp đồng số 827/2012/PLHD-VSH-TH ngày 17 tháng 8 năm 2012 về việc xây dựng trạm phân phối điện và Phụ lục hợp đồng số 317/2013/HD-VSH-TH ngày 08 tháng 4 năm 2013 về việc dịch chuyển nhà máy thủy điện về phía thượng lưu với tổng giá trị lần lượt là 6.723.438.229 VND, 27.035.830.000 VND và 50.456.430.300 VND. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, phần khối lượng công việc đã thực hiện của các hợp đồng này khoảng 305 tỷ VND.

Ngày 15 tháng 8 năm 2012, Công ty ký Hợp đồng số 817/2012/HD-VSH-AH với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo) về việc cung cấp thiết bị cơ điện và dịch vụ kỹ thuật cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 35.489.858 USD. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã tạm ứng cho nhà thầu với số tiền khoảng 100 tỷ VND.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft (Cộng hòa Áo) trị giá 27.100.933,35 USD và số tiền bằng USD tương đương 3.000.000 EUR. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 85% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo hợp đồng Cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo). Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khoản vay chưa được giải ngân.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	844.078.623.434	802.891.785.785
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	625.842.702.056	639.705.515.200
Nợ thuần	218.235.921.378	163.186.270.585
Vốn chủ sở hữu	<u>2.525.231.216.174</u>	<u>2.447.376.388.082</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,09</u>	<u>0,07</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	625.842.702.056	639.705.515.200
Phải thu khách hàng và phải thu khác	155.060.348.359	166.797.785.188
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	181.118.326.000
Tổng cộng	800.903.050.415	987.621.626.388
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	844.078.623.434	802.891.785.785
Phải trả người bán và phải trả khác	7.525.933.016	50.558.047.480
Chi phí phải trả	4.220.747.937	3.516.009.993
Tổng cộng	855.825.304.387	856.965.843.258

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	287.746.814.110	296.581.927.897	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ (USD) so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế và chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty sẽ giảm/tăng lần lượt 9,55 tỷ VND và 4,83 tỷ VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì chi phí lãi vay của Công ty (bao gồm chi phí lãi vay ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh và lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ tăng/giảm 7,98 tỷ VND.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Khoản phải thu khách hàng của Công ty đến từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (một bên liên quan) với số tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 148.617.831.610 VND. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	625.842.702.056	-	625.842.702.056
Phải thu khách hàng và phải thu khác	155.060.348.359	-	155.060.348.359
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Tổng cộng	800.903.050.415	-	800.903.050.415
30/6/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.525.933.016	-	7.525.933.016
Chi phí phải trả	4.220.747.937	-	4.220.747.937
Các khoản vay	648.150.600.197	195.928.023.237	844.078.623.434
Tổng cộng	659.897.281.150	195.928.023.237	855.825.304.387
Chênh lệch thanh khoản thuần	141.005.769.265	(195.928.023.237)	(54.922.253.972)
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	639.705.515.200	-	639.705.515.200
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.797.785.188	-	166.797.785.188
Đầu tư ngắn hạn	181.118.326.000	-	181.118.326.000
Tổng cộng	987.621.626.388	-	987.621.626.388
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	50.558.047.480	-	50.558.047.480
Chi phí phải trả	3.516.009.993	-	3.516.009.993
Các khoản vay	591.015.250.928	211.876.534.857	802.891.785.785
Tổng cộng	645.089.308.401	211.876.534.857	856.965.843.258
Chênh lệch thanh khoản thuần	342.532.317.987	(211.876.534.857)	130.655.783.130

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

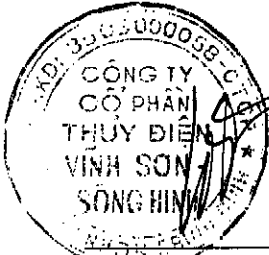
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Trong thời gian từ ngày 02 tháng 7 năm 2013 đến ngày 19 tháng 7 năm 2013, Công ty đã bán thành công 4 triệu cổ phiếu quỹ sở hữu, giá bán bình quân 13.363 đồng/cổ phiếu, thu về 53,45 tỷ VND. Sau giao dịch này, Công ty không còn nắm giữ cổ phiếu quỹ.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2013

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

